

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
NĂM BÁO CÁO: 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3700791715
- Vốn điều lệ : 71.925.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.925.500.000 đồng
- Địa chỉ: Lô G1-9 , Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên , Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 3652 768 – (0274) 3652 769
- Số fax: (0274) 3652 766
- Website: www.peteclogistics.com.vn
- Mã cổ phiếu: PLO

Quá trình hình thành và phát triển:

- + Ngày thành lập: 11/4/2007
- + CTCP Kho vận Petec được Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT) tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 11/04/2007 với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện 01 lần phát hành vào ngày 31/03/2009, tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng lên 71.925.500.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho đối tượng khác.

+ Các mốc sự kiện quan trọng :

Năm 2007: Công ty xây dựng mới hệ thống kho có tổng diện tích 150.000 m². Trong năm 2007 hoàn tất xây dựng kho đầu tiên diện tích 23.000 m², và đã được Tổng Cục Hải Quan cấp phép thành lập Kho Ngoại Quan.

Năm 2009: Công ty tiếp tục xây dựng thêm 30.000 m² kho bao gồm kho nội và kho ngoại quan. Với trang thiết bị hiện đại, tọa lạc tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nằm trên con đường huyết mạch từ Tây Nguyên xuống các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Tp.Hồ Chí Minh, có nhiều thuận lợi cho hoạt động logistics như đường giao thông thuận lợi cách trung tâm Tp.Hồ Chí Minh 30 km (50 phút), cảng Sài Gòn khoảng 25 km (45 phút), cảng hàng không Tân Sơn Nhất khoảng 30 km (40phút), cảng kho Sóng Thần 14 km (15 phút). Ngoài ra, Công ty còn có mạng lưới các chi nhánh hoạt động rộng khắp trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới rất thuận lợi cho quý khách hàng đảm bảo được sự lưu trữ, bảo quản và lưu thông hàng hóa an toàn, nhanh chóng và hiệu quả nhất với chi phí hợp lý nhất.

Công ty tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) lên 71.925.500.000 đồng (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

Năm 2011: Công ty thành lập 02 chi nhánh tại địa chỉ 63 Đào Duy Anh, Tp.Hồ Chí Minh và Tổ 2, ấp Long Bình, tỉnh Tây Ninh. Trong năm Công ty cũng thành lập thêm 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa chỉ số 94, đường DT 744, tỉnh Bình Dương.

Năm 2013: Công ty đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 1 tại số 308/04 đường ĐT747B, tỉnh

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

Năm 2015: Công ty tiếp tục đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 2 tại số ấp Tân Lập, xã An Điền, tỉnh Bình Dương và thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 63 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

Năm 2017: Công ty thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 81/15 Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

Năm 2019: Công ty thuê cửa hàng xăng dầu tại Tỉnh Đắk Nông và thành lập chi nhánh Đắk Nông chuyên bán lẻ kinh doanh xăng dầu.

Năm 2020: Công ty đã chấm dứt hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu tại Tỉnh Đắk Nông. Tháng 10/2020, để thúc đẩy việc bán lẻ kinh doanh xăng dầu. Công ty đã thuê thêm 01 cửa hàng tại Huyện Củ Chi Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động trong lĩnh vực logistics và buôn bán xăng dầu

- Địa bàn kinh doanh:

+ Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

+ Các Quận tại Thành Phố Hồ Chí Minh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội Đồng Quản trị:

Ông: Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 27/4/2020)
Ông: Hoàng Minh Tuấn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 08/7/2020)
Ông: Hoàng Minh Tuấn	Thành Viên (miễn nhiệm ngày 08/7/2020)
Ông: Huỳnh Xuân Hồng	Thành Viên
Ông: Vũ Anh Cường	Thành Viên (bổ nhiệm ngày 24/9/2020)

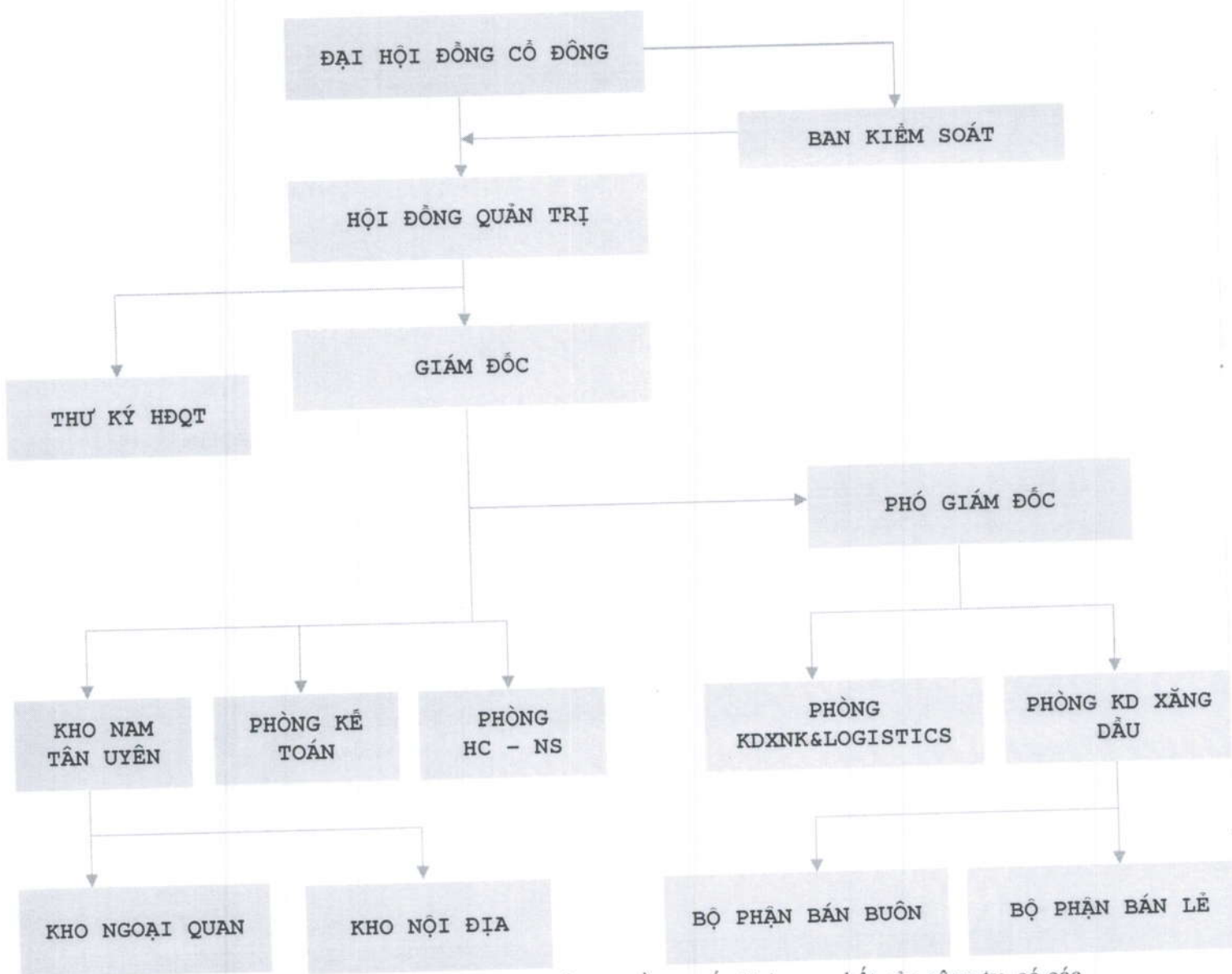
Ban Giám Đốc:

Ông: Huỳnh Xuân Hồng	Giám Đốc
Ông: Lý Hoài Nam	Phó Giám Đốc

Ban Kiểm soát:

Ông: Bùi Minh Hiệp	Trưởng Ban
Ông: Hoàng Anh Tuấn	Thành Viên

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



Đại Hội đồng cổ đông: Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban kiểm soát: Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của

Ban Giám Đốc: Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc.

Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, được Giám đốc phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Thư ký HĐQT: Thư ký HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người có nhiệm vụ hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

Kho Nam Tân Uyên: gồm Kho ngoại quan và Kho nội địa.

Phòng Kế toán: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kế toán của Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng Hành chính – Nhân sự: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động hành chính và nhân sự toàn Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng KDXNK và Logistics: Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và logistics trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

Phòng Kinh doanh Xăng dầu: gồm Bộ phận bán buôn và Bộ phận bán lẻ; trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty mẹ:** không có
- **Công ty con, công ty liên kết:**

Công ty cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng Dầu

Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giá trị khoản đầu tư: 10.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 26,11%.

4. Định hướng phát triển:

▪ Mục tiêu hoạt động chủ yếu:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

▪ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Hiện tại với đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều

Nâng cao trình độ, kinh nghiệm và khuyến khích động viên người lao động vì lợi ích chung của Công ty. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty tự tìm kiếm hoặc liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác để tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích hài hòa cho các cổ đông, Công ty, người lao động và xã hội.

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế năm 2020 gặp nhiều khó khăn, trong đó vấn đề tài chính luôn là đề tài nóng bỏng cũng là sự nhức nhối của các doanh nghiệp. Việc lạm phát tăng cao cộng với sự quản lý tài chính của Ngân hàng nhà nước theo chính sách thắt chặt tín dụng, nghĩa là lãi suất vay được đẩy lên rất cao cho những món nợ vay cũ và rất khó giải ngân cho các khoản vay mới.
- Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực một cách sâu rộng đến toàn bộ hoạt động kinh tế, xã hội của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng mặc dù việc tiêm chủng vắc-xin đã được triển khai ở nhiều nước. Đây là một nguy cơ tiềm ẩn có thể gây khó khăn cho việc phục hồi kinh tế ở bất kỳ thời điểm nào do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan.
- Việt Nam có nhiều biện pháp kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Covid-19 lây lan trong cộng đồng cũng như việc triển khai tiêm vắc-xin từ cuối năm 2020 tạo tâm lý vững vàng và niềm tin vào việc phục hồi và duy trì ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu đầu tư vào thị trường Việt Nam.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận của năm 2020, cụ thể:

CHỈ TIÊU	Thực hiện	Kế hoạch	(%) so với kế hoạch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	69,259,294,316	95,300,000,000	73%
Giá vốn hàng bán	58,180,829,397	84,500,000,000	69%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	11,078,464,919	10,800,000,000	103%
Chi phí tài chính	3,177,594,755	3,000,000,000	106%
<i>Trong đó : Lãi vay</i>	2,767,639,240	3,000,000,000	92%
Chi phí bán hàng	2,656,134,299	2,000,000,000	133%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,090,081,291	4,000,000,000	102%
Các khoản dự phòng			
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	16,681,750		
Dự đầu tư tài chính dài hạn	409,955,515		
Lợi nhuận sau khi trích dự phòng và thuế thu nhập doanh nghiệp	1,418,122,195	1,800,000,000	79%

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

- Danh sách Ban điều hành:

Ban Điều Hành:

Ông: Huỳnh Xuân Hồng	Giám Đốc
Ông: Lý Hoài Nam	Phó Giám Đốc
Ông: Mai Huy Hoàng	Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/03/2021)

Cơ cấu người lao động

A	Theo trình độ	37	100,00%
1	Đại học	12	32%
2	Cao đẳng	8	21%
3	Khác	13	47%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	33	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	33	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. *Tình hình tài chính:*

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	39,987,100,830	39,043,429,216	-2.36%
Doanh thu thuần	104,940,643,696	69,259,294,316	-34.00%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	540,530,816	1,192,512,802	120.62%
Lợi nhuận khác	369,065,350	242,959,393	-34.17%
Lợi nhuận trước thuế	909,596,166	1,418,122,195	55.91%
Lợi nhuận sau thuế	909,596,166	1,418,122,195	55.91%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	126	197	55.91%

b) Các chi tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Tăng giảm (%)
<i>1. Chi tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	0.08	0.11	44.95%
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.07	0.10	46.23%
<i>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	127.61%	124.64%	-2.32%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-462.23%	-505.81%	9.43%
<i>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	206.85	159.97	-22.66%
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2.53	1.75	-30.69%
<i>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0.87%	2.05%	136.23%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	-7.91%	-13.73%	73.47%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	2.19%	3.59%	63.73%
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	0.52%	1.72%	234.28%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tính đến ngày 31/3/2020 Vốn điều lệ của Công ty như sau:

+ Vốn điều lệ: 71.925.500.000 VNĐ

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/3/2021:

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
1	Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	0300649476	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	2.020.000	28,08%
2	CTCP Bất Động Sản & Kỹ Thuật Xăng Dầu (PETEC LAND)	0305767547	51 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	800.000	11,12%
3	Huỳnh Xuân Hồng	024364268	78C17 Phạm Ngũ Lão, Phường 13, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	618.487	8,6%
4	Ngân hàng TMCP Đông Á	0301442379	130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	540.000	7,51%
Tổng cộng				3.978.487	55,31%

Cổ đông sáng lập:

Công ty Cổ phần Kho vận Petec được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/04/2007. Do đó, theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông:

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
I	Cổ đông trong nước	430	7.192.550	100,00%
	<i>Tổ chức</i>	05	3.041.000	42,28%
	<i>Cá nhân</i>	425	4.151.550	57,72%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	430	7.192.550	100,00%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Nam Tân Uyên và mua điện trực tiếp tại Điện lực Bình Dương.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty đã sử dụng nguồn nước do Công ty cấp nước Bình Dương cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống thải tập trung của KCN, không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Công ty luôn thực hiện đúng bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/3/2021)

Cơ cấu người lao động

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	37	100,00%
1	Đại học	12	32%
2	Cao đẳng	8	21%
3	Khác	13	47%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	33	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	33	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Nhân viên đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong

được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kinh doanh xăng dầu:

Trong năm 2020, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty đã ổn định, một số mục tiêu chủ yếu đối với kinh doanh xăng dầu đã đạt được:

- Duy trì dòng tiền, thanh khoản cho hoạt động SXKD của Công ty với tổng doanh thu 69 tỷ/năm (bình quân: 5,7 tỷ đồng/tháng) đã đảm bảo cho việc đáo nợ ngân hàng, không phát sinh nợ quá hạn.

- Công nợ đối với khách hàng xăng dầu không thay đổi, nợ luân chuyển đối với khách hàng bán buôn duy trì ở mức 1,1 tỷ đồng.

- Lợi nhuận gộp của kinh doanh xăng dầu là: 1,395 tỷ đồng (Tổng sản lượng: 5.124 m³, trong đó bán buôn: 4.694 m³, bán lẻ là 430 m³).

+ Bán buôn đạt lợi nhuận 1,045 tỷ/tổng chi phí 1,332 tỷ (chi phí bao gồm: lương nhân viên P.XD, vận chuyển, hoa hồng...) đạt mục đích đề ra, lợi nhuận bình quân 72đ/lít.

+ Bán lẻ đạt lợi nhuận 349 trđ/tổng chi phí 1,324 tỷ đồng (chi phí bán lẻ xăng dầu tăng thêm 171 trđ so với mức 1,153 tỷ của năm 2019 là do:

◦ Nhằm duy trì điều kiện kinh doanh xăng dầu bán lẻ trong trường hợp chuyển nhượng cửa hàng xăng dầu số 1 tại tỉnh Bình Dương, Công ty đã thuê thêm 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại huyện Củ Chi, Tp. HCM từ tháng 10/2020, chi phí tăng bao gồm: tiền thuê cửa hàng 25 trđ/tháng, lương nhân viên bán hàng – trong kho chuyển ra, chi phí tại cửa hàng. Việc thuê thêm CHXD Củ Chi bước đầu có lợi nhuận (sản lượng đạt bình quân 55 m³/tháng), nhưng do mới hoạt động, chi phí ban đầu còn cao, dẫn đến lợi nhuận tại cửa hàng này chưa đạt như kế hoạch.

◦ CHXD số 1 cuối năm 2020, tạm ngưng bán hàng để hoàn tất thủ tục xin giấy đủ điều kiện KDXD mới và đồng thời tiến hành sửa chữa, nhưng

Phát sinh thêm chi phí của CHXD Gia Nghĩa và xử lý hao hụt của các năm trước tồn đọng lại (102 trđ).

Kinh doanh xăng dầu còn một số khó khăn và tồn tại sau:

- Do thực hiện chính sách bán hàng an toàn về công nợ tài chính, giảm dần công nợ tín chấp và quy định của Nghị định 83, nên một số khách hàng đã không tiếp tục ký hợp đồng với Công ty và sản lượng bán lẻ đạt rất thấp.

- Tình hình thu hồi nợ xấu tuy có nhiều cố gắng, nhưng vẫn không đạt được kết quả nào.

Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu:

Mảng kinh doanh này được xây dựng trên kế hoạch năm 2020 với doanh thu 0,5 tỷ và lợi nhuận 0,1 tỷ, chủ yếu phục vụ cho hệ thống cây xăng của Tổng Công ty Petec trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực hiện có của Công ty. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan cũng như sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cung cấp dịch vụ này, dẫn đến công ty không có doanh thu đối với hoạt động này.

3. Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ phụ trợ kho:

Từ sau Tết Nguyên đán tháng 02/2020, do tình hình dịch Covid bùng phát trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các khách hàng đang thuê kho, cũng như đã đặt cọc để thuê kho của Công ty. Phần diện tích kho 4.374m² mà Công ty CP Cà phê Long Xuân đã ký hợp đồng thuê và đặt cọc trước đó đã không thể tiếp tục thực hiện. Đối với phần diện tích kho còn lại 18.954m² đang cho thuê thì các khách hàng bắt buộc phải thu hẹp hoạt động sản xuất cũng như giảm nhu cầu lưu trữ hàng hóa tại kho và có công văn đề nghị Công ty giảm giá thuê kho để có thể duy trì tiếp tục hoạt động tại kho. Trước tình hình khó khăn chung, Công ty đã cố gắng đàm phán giảm một phần tiền thuê kho một cách hợp lý nhất cho khách hàng hiện hữu nhằm chia sẻ khó khăn và cùng khách hàng duy trì ổn định hoạt động kinh doanh qua thời điểm đó. Ngoài ra, Công ty cũng cố gắng tìm kiếm khách hàng thuê mới để lấp đầy diện tích 4.374m² còn trống do Công ty CP Cà phê Long Xuân bỏ cọc không thuê.

Đầu tháng 06/2020, Công ty đã ký hợp đồng cho khách hàng Cty TNHH SX-TM Gỗ Tân Nhật (Cty Việt Nam, đồ gỗ nội thất) thuê phần diện tích 4.374m².

Cuối tháng 11/2020, do hoạt động kinh doanh khó khăn nên khách hàng Công ty Bao bì Nông sản Miền nam đã thông báo trả lại kho thuê có diện tích 3.888m². Trong thời gian 3 tháng còn lại của hợp đồng với khách hàng, Công ty đã cố gắng tìm kiếm và ký được hợp đồng cho khách hàng mới là Công ty TNHH Gỗ Jingbo Việt Nam (Cty Việt Nam, vốn Trung Quốc, sản phẩm gỗ nội ngoại thất) thuê toàn bộ diện tích 3.888m² với mức giá thuê cao hơn 15% so với giá cho Cty Bao bì Nông sản Miền nam, qua đó giúp tăng thêm doanh thu cho Công ty.

Tận dụng thời điểm nhiều khách hàng có nhu cầu thuê mái nhà kho để lắp đặt hệ thống điện mặt trời, Công ty đã đàm phán với nhiều khách hàng và đã cân nhắc lựa chọn ký hợp đồng cho khách hàng là Công ty Công ty DassTech (Hàn Quốc) thuê toàn bộ diện tích mái kho (giá thuê: 30.000 usd/năm). Ngoài ra, Công ty cũng ký hợp đồng cung cấp dịch

4. Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Năm 2020, trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết để chỉ đạo và cùng phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc tìm kiếm, đàm phán với các khách hàng tiềm năng có nhu cầu. Tuy nhiên, do vẫn chưa tìm được khách hàng có nhu cầu mua tài sản với mức giá như kỳ vọng nên đến nay vẫn chưa thể hoàn thành công việc này. Năm 2021, Công ty tiếp tục tìm kiếm và hoàn thành việc chuyển nhượng tài sản đảm bảo đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã thông qua.

5. Tình hình tài chính và công nợ:

Hiện với phần tài sản còn lại (40.000m² đất và 23.328 m² kho), trong đó phần đất đã được chủ đầu tư KCN đóng đủ tiền thuê đất 1 lần cho Nhà Nước, Ngân hàng OCB đã định giá và ký hợp đồng tín dụng mới với Công ty từ tháng 11/2020, với hạn mức tín dụng mới là 33,322 tỷ, dư nợ đầu kỳ (tháng 04/2020) là 32,838 tỷ, dư nợ cuối kỳ (tháng 03/2021) là: 28,147 tỷ, hạn mức khả dụng cuối kỳ của Công ty là: 5,175 tỷ.

Trong năm Công ty đã giảm được 521 Trđ trong khoản nợ kinh doanh xăng dầu cho Tổng Công ty PETEC (từ mức 5,420 tỷ xuống còn 4,899 tỷ), hiện công nợ lưu chuyển Công ty đang cho khách hàng nợ ở mức 1,1 tỷ đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu.

Về xử lý nợ xấu, trong năm 2020 Hội Đồng Quản Trị đã tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành tích cực triển khai các biện pháp nhằm thu hồi nợ xấu, tuy nhiên kết quả đạt được là không khả quan. Nguyên nhân là: một số khách hàng có dính dáng pháp luật và chủ doanh nghiệp đã trốn khỏi nơi cư trú, có khách hàng thì nợ quá lớn và tài sản đã bị ngân hàng xử lý hết, có khách hàng thì tài sản đang bị tranh chấp...

Tổng công nợ xấu, quá hạn không có khả năng thu hồi là 17.615.089.449 đồng. Trong đó:

+ Nợ quá hạn các năm trước là 17.581.725.949

+ Nợ quá hạn phát sinh thêm trong năm 2020 là 33 trđ, do khách nợ của CHXD số 1 đang gặp khó khăn về tài chính, chưa thanh toán được số tiền đã mua. Công ty trích nợ dự phòng khó đòi đối với khách hàng này trong năm là 16 trđ. Toàn bộ, các khoản nợ xấu trên đã được trích lập dự phòng nợ khó đòi 99%, hoàn tất trong năm tài chính 2015.

6. Hoạt động đầu tư tài chính:

Nhìn chung hoạt động tài chính và đầu tư của Công ty trong năm 2020 không có biến động gì lớn. Ngoài trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính bao gồm: TCT PETEC (đầu tư ban đầu 11,55 tỷ); PETEC LAND (đầu tư ban đầu 10 tỷ). Tổng lũy kế trích lập dự phòng đầu tư tài chính là: 12 254 tỷ đồng. (trích lập dự phòng trong năm đối với Công ty

II. Định hướng phát triển của công ty trong năm 2020:

1. Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ phụ trợ kho:

Hiện Công ty đã cho thuê toàn bộ diện tích kho 23.328m² với thời hạn hợp đồng thuê trên 03 năm đạt hơn 88%. Phần diện tích 2.778m² hết hạn vào cuối năm 2021, Công ty sẽ đàm phán cho khách hàng tiếp tục thuê hoặc đàm phán cho khách hàng mới thuê với giá tốt hơn nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

Thời gian tới, Công ty cố gắng cùng đồng hành và quan hệ tốt với các khách hàng hiện hữu để duy trì ổn định hoạt động kinh doanh này.

Trên cơ sở nguồn khách hàng thuê kho hiện tại, Công ty tiếp tục đàm phán nhằm tăng thêm khả năng cung ứng dịch vụ cho khách hàng, tận dụng tối đa nguồn lực hiện có của Công ty. Chuẩn bị sẵn sàng cho việc chuyển đổi công năng sử dụng của khu đất từ kinh doanh kho bãi đơn thuần sang kinh doanh kho bãi kết hợp sản xuất, nhằm mở rộng nguồn khách hàng của Công ty.

2. Kinh doanh xăng dầu:

Với tình hình kinh doanh xăng dầu như hiện nay, Công ty cố gắng duy trì hoạt động bán buôn và bán khách hàng công nghiệp nhằm đảm bảo dòng tiền hoạt động của Công ty, cũng như đạt lợi nhuận đủ để trang trải chi phí của bộ phận phụ trách kinh doanh ngành hàng này. Trong điều kiện giá xăng dầu, cũng như chiết khấu đại lý giảm mạnh, để đạt được các mục đích trên đòi hỏi sự nỗ lực hơn nữa của bộ phận kinh doanh xăng dầu và toàn thể CBCNV Công ty.

Về hoạt động bán lẻ xăng dầu hiện nay, do tình hình kinh doanh bất động sản bị ảnh hưởng mạnh do dịch Covid-19 và việc kinh doanh xăng dầu bán lẻ gặp nhiều khó khăn, dẫn tới kế hoạch chuyển nhượng cây xăng số 1 khó có thể thực hiện được trong thời gian sắp tới. Nhằm giảm lỗ kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty đã thanh lý hợp đồng thuê cửa hàng xăng dầu Gia Nghĩa vào 30/06/2020, thuê thêm 01 cửa hàng xăng dầu (cửa hàng xăng dầu Nguyễn Xuân – Củ Chi – TP.HCM) có điều kiện kinh doanh tốt hơn và sửa chữa, cải tạo, trang trí lại cây xăng số 1, cũng như tìm kiếm thêm khách hàng có tiềm năng để tăng cường sản lượng bán lẻ. Ngoài ra, công ty vẫn duy trì tìm kiếm khách hàng sang nhượng lại Cây xăng số 01, để thực hiện việc chuyển nhượng mà nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông 2019 đã đề ra.

3. Chuyển nhượng và thanh lý tài sản:

Năm 2021, trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua Tờ trình về việc chuyển nhượng CHXD số 01 tại Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Công ty tiếp tục tìm kiếm và hoàn thành việc chuyển nhượng tài sản đảm bảo đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 đã thông qua.

4. Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu và hoạt động khác:

Kế hoạch trong năm 2020 chủ yếu tập trung vào công tác tìm kiếm khách

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

- Công ty sẽ triển khai hoạt động kinh doanh nông sản và các mặt hàng khác tùy thuộc vào thời điểm trong năm nếu điều kiện tài chính của Công ty cho phép và thị trường thuận lợi với mục tiêu chính của hoạt động này là đảm bảo kinh doanh không lỗ, tăng doanh thu, đảm bảo dòng tiền và lợi nhuận cho Công ty. Ngoài ra, trên cơ sở Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cho phép sẽ xây dựng cơ chế tài chính để huy động vốn góp từ cán bộ công nhân viên Công ty để bổ sung thêm nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh này.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Tài sản cố định hữu hình:

NGUYÊN GIÁ

Tại ngày 01/04/2020	27,970,511,694	2,463,517,641	1,726,470,909	312,744,984	32,473,245,228
- Giảm trong năm	39,500,000	-	-	-	39,500,000
- Thanh lý	39,500,000	-	-	-	39,500,000

Tại ngày 31/03/2021	27,931,011,694	2,463,517,641	1,726,470,909	312,744,984	32,433,745,228
---------------------	----------------	---------------	---------------	-------------	----------------

KHẤU HAO LŨY KẾ

Tại ngày 01/04/2020	15,490,942,042	2,220,738,103	1,017,523,930	312,744,984	19,041,949,059
- Tăng trong năm	39,500,000	-	-	-	39,500,000
+ Thanh lý	39,500,000	-	-	-	39,500,000
- Giảm trong năm	1,182,954,089	109,672,728	212,118,480	-	1,504,745,297
+ Khấu hao	1,182,954,089	109,672,728	212,118,480	-	1,504,745,297

Tại ngày 31/03/2021	16,634,396,131	2,330,410,831	1,229,642,410	312,744,984	20,507,194,356
---------------------	----------------	---------------	---------------	-------------	----------------

GIÁ TRỊ CÒN

LẠI

Tại ngày 01/04/2020	12,479,569,652	242,779,538	708,946,979	-	13,431,296,169
Tại ngày 31/03/2021	11,296,615,563	133,106,810	496,828,499	-	11,926,550,872

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

Tài sản cố định vô hình :

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/04/2020	18.562.280.139	18.562.280.139
Tại ngày 31/03/2021	18.562.280.139	18.562.280.139
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Tại ngày 01/04/2020	2.851.882.266	2.851.882.266
- Khấu hao trong năm	417.348.624	417.348.624
Tại ngày 31/03/2021	3.269.230.890	3.269.230.890
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/04/2020	15.710.397.873	15.710.397.873
Tại ngày 31/03/2021	15.293.049.249	15.293.049.249

b) Tình hình nợ phải trả:

Phải thu khách hàng:

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị VNĐ	Dự phòng VNĐ
a. Ngắn hạn	9.317.244.283	(7.711.930.565)	9.257.669.668	(7.695.248.815)
- Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhật Luân	1.629.900.000	(1.629.900.000)	1.629.900.000	(1.629.900.000)
- DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1.691.983.300	(1.691.983.300)	1.691.983.300	(1.691.983.300)
- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tấn Phát	1.417.420.000	(1.417.420.000)	1.417.420.000	(1.417.420.000)
- Công ty CP TMDV Dầu Khí Mạnh Hồ	1.530.840.000	(1.530.840.000)	1.530.840.000	(1.530.840.000)
- Phải thu khách hàng khác	3.047.100.983	(1.441.787.265)	2.987.526.368	(1.425.105.515)
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan	18.017.775	-	18.017.775	-
- Tổng công ty TM Kỹ Thuật và ĐT - Công ty CP	18.017.775	-	18.017.775	-
Cộng	9.335.262.058	(7.711.930.565)	9.275.687.443	(7.695.248.815)

Trả trước cho người bán :

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM DV Nông Sản Bắc Hà	7.416.824.161	(7.416.824.161)	7.416.824.161	(7.416.824.161)
- Công ty TNHH Thanh Thủy	2.434.610.384	(2.434.610.384)	2.434.610.384	(2.434.610.384)
- Các khoản trả trước cho người bán khác	110.000.000	-	150.888.000	-
Cộng	9.961.434.545	(9.851.434.545)	10.002.322.545	(9.851.434.545)

Các khoản phải thu khác:

	31/03/2021		01/04/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
a. Ngắn hạn	1.028.607.812	(35.042.589)	1.046.266.912	(35.042.589)
- Phải thu ngắn hạn khác	983.884.112	(35.042.589)	1.028.768.212	(35.042.589)
+ DNTN Xăng Dầu Ngọc Diệp	750.000.000	-	750.000.000	-
+ Nguyễn Văn Quân	20.323.527	(20.323.527)	20.323.527	(20.323.527)
+ Phạm Tấn Thịnh	14.719.062	(14.719.062)	14.719.062	(14.719.062)
+ Nguyễn Đăng Chiến	33.000.000	-	33.000.000	-
+ Đối tượng khác	165.841.523	-	210.725.623	-
- Tạm ứng	44.723.700	-	17.498.700	-
b. Dài hạn	166.000.000	-	151.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	166.000.000	-	151.000.000	-
Cộng	1.194.607.812	(35.042.589)	1.197.266.912	(35.042.589)

Chi phí trả trước :

	31/03/2021	01/04/2020
	Giá trị	Giá trị
	VNĐ	VNĐ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	94.971.978	98.044.901
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.016.280	13.383.332
- Chi phí trả trước chờ phân bổ	45.955.698	84.661.569
b. Chi phí trả trước dài hạn	597.489.180	322.152.805
- Chi phí trả trước chờ phân bổ	77.672.402	-
- Chi phí sửa chữa	31.100.812	133.124.707
- Chi phí môi giới	488.715.966	189.028.098
Cộng	692.461.158	420.197.706

Nợ xấu :

CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

Thời gian quá hạn	Đối tượng nợ	31/03/2021		01/04/2020	
		Giá gốc VNĐ	Giá trị có thẻ thu hồi VNĐ	Giá trị VNĐ	Giá trị có thẻ thu hồi VNĐ
	Phải thu khách hàng	7.728.612.315	-	7.695.248.815	-
- Từ 3 năm trở lên	- Công ty CP TM DV Dầu Khí Mạnh Hồ	1.530.840.000	-	1.530.840.000	-
	- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Tấn Phát	1.417.420.000	-	1.417.420.000	-
	- Công ty TNHH TM Xăng Dầu Nhật Luân	1.629.900.000	-	1.629.900.000	-
	- DNTN Trạm Xăng Dầu Văn Loan	1.691.983.300	-	1.691.983.300	-
	- Phải thu khách hàng khác	1.425.105.515	-	1.425.105.515	-
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	- Công ty TNHH MTN Vận Tải Thọ Phát	33.363.500	-	-	-
	Phải thu khác	35.042.589	-	35.042.589	-
- Từ 3 năm trở lên	- Nguyễn Văn Quân	20.323.527	-	20.323.527	-
	- Phạm Tấn Thịnh	14.719.062	-	14.719.062	-
- Từ 3 năm trở lên	Trả trước cho người bán	9.851.434.545	-	9.851.434.545	-
	- Công ty TNHH TM DV Nông Sản Bắc Hà	7.416.824.161	-	7.416.824.161	-
	- Công ty TNHH Thanh Thủy	2.434.610.384	-	2.434.610.384	-
	Cộng	17.615.089.449	-	17.581.725.949	-

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải): Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Công ty đã thực hiện đúng những gì trong nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban Giám Đốc đã hoàn thành công việc được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

2. Tiếp tục đàm phán với Ngân hàng để giảm lãi suất trong điều kiện Ngân hàng Nhà nước giảm lãi suất trần, tái tài trợ tín dụng, bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế tài chính để huy động thêm nguồn vốn từ cán bộ công nhân viên công ty cũng như từ bên ngoài nhằm tăng nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Chú trọng nâng cao năng suất lao động, trình độ chuyên môn cho CBCNV thông qua việc hỗ trợ kinh phí học tập. Vun đắp truyền thống đoàn kết, gắn bó giữa CBCNV và Công ty thông qua các hoạt động tập thể như du lịch, gặp mặt gia đình CBCNV, lao động XHCN... Tiếp tục xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo định hướng đoàn kết, thân thiện, nhiệt huyết cả về đối nội lẫn đối ngoại.

V. Quản trị công ty:

Trong năm 2020, nhằm kịp thời chỉ đạo toàn diện mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, ngoài những cuộc họp Hội Đồng Quản Trị thường kỳ, Hội Đồng Quản Trị còn tổ chức những cuộc họp bất thường đối với một số vấn đề cần giải quyết, việc quản trị điều hành của Hội Đồng Quản Trị là xuyên suốt và xoay quanh các vấn đề như:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020.
- Tập trung vào việc tìm kiếm khách hàng thuê kho.
- Cắt giảm các nguyên nhân gây lỗ...
- Thúc đẩy công tác xử lý và thu hồi nợ khó đòi.
- Tiết giảm chi phí như: giảm chi phí thường xuyên và lao động dôi dư.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán:

- Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Petec tại ngày 31/03/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2020 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Không phù hợp nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý đến thông tin trình bày tại

9.621.074.523 đồng. Việc này làm gia tăng nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Các báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm những điều chỉnh (nếu có) phát sinh từ sự kiện nêu trên.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

A- Bảng cân đối kế toán

				Đơn vị: VNĐ	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/04/2020	
A. Tài sản ngắn hạn	100		4.760.397.454	3.662.356.007	
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	V.01	<i>1.541.812.620</i>	<i>387.505.524</i>	
1. Tiền	111		1.541.812.620	387.505.524	
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		-	-	
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>2.726.896.716</i>	<i>2.823.582.497</i>	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	9.335.262.058	9.275.687.443	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	9.961.434.545	10.002.322.545	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04.a	1.028.607.812	1.046.266.912	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.05	(17.598.407.699)	(17.581.725.949)	
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	81.031.546	
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	V.06	<i>394.479.726</i>	<i>332.918.243</i>	
1. Hàng tồn kho	141		394.479.726	332.918.243	
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>97.208.392</i>	<i>118.349.743</i>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07.a	94.971.978	98.044.901	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.236.414	20.304.842	
B. Tài sản dài hạn	200		34.283.031.762	36.324.744.823	
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>166.000.000</i>	<i>151.000.000</i>	
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04.b	166.000.000	151.000.000	
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>27.219.600.121</i>	<i>29.141.694.042</i>	
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	11.926.550.872	13.431.296.169	
- Nguyên giá	222		32.433.745.228	32.473.245.228	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.507.194.356)	(19.041.949.059)	
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-	
3. TSCĐ vô hình	227	V.09	15.293.049.249	15.710.397.873	
- Nguyên giá	228		18.562.280.139	18.562.280.139	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.269.230.890)	(2.851.882.266)	
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<i>230</i>		-	-	
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>240</i>		-	-	
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	V.10	<i>6.299.942.461</i>	<i>6.709.897.976</i>	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		10.000.000.000	10.000.000.000	
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.554.567.000	11.554.567.000	
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(15.254.624.539)	(14.844.669.024)	
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>597.489.180</i>	<i>322.152.805</i>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07.b	597.489.180	322.152.805	
TỔNG CÔNG TÀI SẢN	270		39.043.429.216	39.987.100.830	

				Đơn vị: VNĐ	
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/04/2020	
C. Nợ phải trả	300		48.664.503.739	51.026.297.548	
I. Nợ ngắn hạn	310		42.198.954.839	47.057.040.648	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.978.505.122	7.044.617.432	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		366.470.166	25.588.302	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	274.673.245	248.041.356	
4. Phải trả người lao động	314		-	72.822.775	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		35.836.500	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	736.180.506	916.006.740	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.a	5.659.704.700	5.911.408.043	
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	28.147.584.600	32.838.556.000	
II. Nợ dài hạn	330		6.465.548.900	3.969.256.900	
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14.b	6.465.548.900	3.969.256.900	
D. Vốn chủ sở hữu	400		(9.621.074.523)	(11.039.196.718)	
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	(9.621.074.523)	(11.039.196.718)	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		71.925.500.000	71.925.500.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		71.925.500.000	71.925.500.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.929.061.690	1.929.061.690	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(83.475.636.213)	(84.893.758.408)	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(84.893.758.408)	(85.803.354.574)	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.418.122.195	909.596.166	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.043.429.216	39.987.100.830	

B- Bảng kết quả kinh doanh

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		69.259.294.316	104.940.643.696
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	69.259.294.316	104.940.643.696
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	58.180.829.397	94.473.950.344
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.078.464.919	10.466.693.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	37.858.228	1.832.695
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.177.594.755	3.605.260.847
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.767.639.240	3.400.089.854
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.656.134.299	2.599.873.653
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	4.090.081.291	3.722.860.731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.192.512.802	540.530.816
11. Thu nhập khác	31		242.959.393	369.065.350
12. Chi phí khác	32		17.350.000	-
13. Lợi nhuận khác	40	VI.7	225.609.393	369.065.350
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.418.122.195	909.596.166
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.418.122.195	909.596.166
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	197	126
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	197	126

CÔNG TY CP KHO VẠN PETEC Báo cáo thường niên năm 2020

C- Bảng lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	1.418.122.195	909.596.166
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	2	1.922.093.921	1.931.353.800
- Các khoản dự phòng	3	426.637.265	195.895.637
- Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	-	32.061.859
- Lãi/ lỗ do từ hoạt động đầu tư	5	(11.517.780)	(1.832.695)
- Chi phí lãi vay	6	-	3.400.089.854
3. Lợi nhuận từ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	3.755.335.601	6.467.164.621
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	83.072.459	688.146.943
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(61.561.483)	247.607.944
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	2.593.177.591	(1.522.311.805)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(272.263.452)	76.644.852
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(3.400.089.854)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.097.760.716	2.557.162.701
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	10.909.091	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	608.689	1.832.695
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.517.780	1.832.695
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	45.944.943.000	58.461.593.200
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.635.914.400)	(60.872.585.200)
3. Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(264.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.954.971.400)	(2.410.992.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	1.154.307.096	148.003.396
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	387.505.524	238.946.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	555.623
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.541.812.620	387.505.524



XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỖ ĐÓNG CHỮ